

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				0%	0%	0%	15%	15%	15%	0%	0%	55%				
1	132234841	Võ Văn Hạnh	K15KTR				5.5	0	2.5			3.5	0.0	Không		
2	142231439	Đặng Tất Thành	K15KTR1				6	4.5	6			5	5.2	Năm phẩy Hai		
3	152232800	Nguyễn Duy Dương	K15KTR1				6.5	3.5	7			5.5	5.6	Năm phẩy Sáu		
4	152232810	Từ Thị Ly Na	K15KTR1				5	4	6.5			5	5.1	Năm phẩy Một		
5	152232811	Nguyễn Văn Quý	K15KTR1				6	7	6.5			5.5	6.0	Sáu		
6	152232813	Trương Hoàng Quốc Bảo	K15KTR1				4.5	6	5.5			4.5	4.9	Bốn phẩy Chín		
7	152232819	Trần Thị Ngọc Diễm	K15KTR1				4	6	7.5			6	5.9	Năm phẩy Chín		
8	152232832	Nguyễn Minh Dương	K15KTR1				5	3	6			5.5	5.1	Năm phẩy Một		
9	152232834	Phạm Ngọc Tài	K15KTR1				4	3	5			4	4.0	Bốn		
10	152232839	Đặng Công Thọ	K15KTR1				6	7.5	6.5			4.5	5.5	Năm phẩy Năm		
11	152232840	Bùi Thị Mỹ	K15KTR1				5.5	8	7.5			6	6.5	Sáu phẩy Năm		
12	152232848	Nguyễn Lê Cương	K15KTR1				4.5	3.5	6			5.5	5.1	Năm phẩy Một		
13	152232853	Đỗ Diệu Hằng	K15KTR1				6	7	7			6	6.3	Sáu phẩy Ba		
14	152232858	Phùng Tiểu Phụng	K15KTR1				4.5	5	6.5			5	5.2	Năm phẩy Hai		
15	152232863	Vũ Trung Hiếu	K15KTR1				5	3	6.5			5	4.9	Bốn phẩy Chín		
16	152232865	Nguyễn Thành Đạt	K15KTR1				5.5	6.5	7.5			5.5	6.0	Sáu		
17	152232866	Dương Thị Thủy	K15KTR1				5.5	4.5	7			7.5	6.7	Sáu phẩy Bảy		
18	152232872	Trần Văn Thi	K15KTR1				5	3	0			3	0.0	Không		
19	152232874	Lê Tự Nhật Quang	K15KTR1				4	3.5	7			4	4.4	Bốn phẩy Bốn		
20	152232875	Võ Cảnh Trí	K15KTR1				4	7	6.5			4	4.8	Bốn phẩy Tám		
21	152232899	Lê Duy Thành	K15KTR1				3	3	5			6.5	5.2	Năm phẩy Hai		
22	152232906	Võ Thế Hào	K15KTR1				5	7.5	8			5.5	6.1	Sáu phẩy Một		
23	152232910	Phạm Văn Cường	K15KTR1				5	5.5	5.5			4.5	4.9	Bốn phẩy Chín		
24	152232925	Dương Công Định	K15KTR1				3.5	6	5.5			5	5.0	Năm		
25	152232928	Hà Xuân Bách	K15KTR1				6	3.5	6			5.5	5.4	Năm phẩy Bốn		
26	152232936	La Đức Anh	K15KTR1				3	3	5			7.5	5.8	Năm phẩy Tám		
27	152232939	Hoàng Thị Duy Duyên	K15KTR1				5	4.5	7			6.5	6.1	Sáu phẩy Một		
28	152232954	Lê Văn Tuấn	K15KTR1				5.5	4.5	7			6.5	6.1	Sáu phẩy Một		
29	152232971	Bùi Thanh Hải	K15KTR1				5.5	7.5	7			7	6.9	Sáu phẩy Chín		
30	152232973	Trần Khánh Linh	K15KTR1				5	6.5	6.5			5.5	5.7	Năm phẩy Bảy		
31	152232980	Nguyễn Thị Yến	K15KTR1				6	8	7.5			5.5	6.3	Sáu phẩy Ba		
32	152232992	Trần Bá Quốc Thắng	K15KTR1				6.5	8.5	6.5			6	6.5	Sáu phẩy Năm		
33	152233001	Nguyễn Thị Anh Khôi	K15KTR1				5	7	6.5			5	5.5	Năm phẩy Năm		
34	152233003	Hồ An Bảo Trung	K15KTR1				5	4	6			4	4.5	Bốn phẩy Năm		

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					0%	0%	0%	15%	15%	15%	0%	0%	55%				
35	152233005	Nguyễn Tấn	Hiền	K15KTR1				5	3	6.5			5	4.9	Bốn phẩy Chín		
36	152233010	Văn Thị Thuý	Nga	K15KTR1				6.5	7	8.5			6	6.6	Sáu phẩy Sáu		
37	152233013	Lê	An	K15KTR1				7	4.5	7.5			6	6.2	Sáu phẩy Hai		
38	152233018	Đặng Thanh	Bình	K15KTR1				5	7	7			6	6.2	Sáu phẩy Hai		
39	152233028	Nguyễn Văn	Lợi	K15KTR1				5	4	6.5			4.5	4.8	Bốn phẩy Tám		
40	152233032	Nguyễn Thái	Hưng	K15KTR1				5.5	7	6.5			4.5	5.3	Năm phẩy Ba		
41	152233033	Thân Ngọc	Long	K15KTR1				5.5	3	6			5	4.9	Bốn phẩy Chín		
42	152233043	Lê Thị Hồng	Nhung	K15KTR1				6.5	5.5	7.5			6	6.2	Sáu phẩy Hai		
43	152233046	Trần Ngọc	Diện	K15KTR1				5	3	6.5			5.5	5.2	Năm phẩy Hai		
44	152233047	Trần Thế	Vũ	K15KTR1				6	3.5	6			5.5	5.4	Năm phẩy Bốn		
45	152235532	Nguyễn Đặng Tuấn	Phúc	K15KTR1				4	4	6			5.5	5.1	Năm phẩy Một		
46	152235538	Nguyễn Ngọc	Rin	K15KTR1				5.5	7	7			5.5	6.0	Sáu		
47	152235835	Nguyễn Đắc Thanh	Tùng	K15KTR1				4	3	5.5			7.5	6.0	Sáu		
48	152236324	Nguyễn Đình	Phúc	K15KTR1				4.5	8	6.5			5	5.6	Năm phẩy Sáu		
49	142231404	Trương Nguyễn Anh	Khoa	K15KTR2				4.5	5	6			5.5	5.4	Năm phẩy Bốn		
50	152232025	Phạm Văn	Sơn	K15KTR2				4	3.5	7			6	5.5	Năm phẩy Năm		
51	152232802	Phan Hữu	Minh	K15KTR2				3.5	3	7			6	5.3	Năm phẩy Ba		
52	152232805	Lê Trọng	Nghĩa	K15KTR2				5	3.5	8			7	6.3	Sáu phẩy Ba		
53	152232807	Nguyễn Văn Việt	Chương	K15KTR2				5	4	8.5			6.5	6.2	Sáu phẩy Hai		
54	152232816	Kiều Đình	Hoàng	K15KTR2				6.5	3.5	7.5			6.5	6.2	Sáu phẩy Hai		
55	152232825	Đoàn Văn	Hiếu	K15KTR2				4	5.5	6			5	5.1	Năm phẩy Một		
56	152232826	Trần Quang	Định	K15KTR2				5	6	7			5.5	5.7	Năm phẩy Bảy		
57	152232828	Võ Xuân	Hưng	K15KTR2				5.5	6.5	8			8.5	7.7	Bảy phẩy Bảy		
58	152232833	Phan Thanh	Long	K15KTR2				5.5	7.5	6			6	6.2	Sáu phẩy Hai		
59	152232835	Huỳnh Bá	Duyên	K15KTR2				3.5	3.5	7			5	4.9	Bốn phẩy Chín		
60	152232849	Trần Viết Lê Hoàng	Việt	K15KTR2				5.5	4	7			5.5	5.5	Năm phẩy Năm		
61	152232857	Huỳnh Việt	Hưng	K15KTR2				5	3.5	6			4.5	4.7	Bốn phẩy Bảy		
62	152232859	Lưu Nhật	Tuấn	K15KTR2				5.5	5	6			5	5.2	Năm phẩy Hai		
63	152232862	Ngô Đăng	Điện	K15KTR2				4.5	3.5	6.5			4	4.4	Bốn phẩy Bốn		
64	152232864	Lâm Xuân	Linh	K15KTR2				4.5	3	6			5	4.8	Bốn phẩy Tám		
65	152232876	Nguyễn Duy	Thành	K15KTR2				6	4.5	8			6.5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
66	152232882	Nguyễn Bá	Khoa	K15KTR2				5.5	3	6.5			4.5	4.7	Bốn phẩy Bảy		
67	152232896	Lê	Nhật	K15KTR2				5	5.5	7			5.5	5.7	Năm phẩy Bảy		
68	152232901	Trần Nhật	Hào	K15KTR2				5	4.5	7.5			5.5	5.6	Năm phẩy Sáu		
69	152232913	Nguyễn Ngọc	Thuyền	K15KTR2				3	4.5	7			6	5.5	Năm phẩy Năm		

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				0%	0%	0%	15%	15%	15%	0%	0%	55%				
70	152232915	Trần Thị Mai	Li	K15KTR2				7.5	7.5	7.5			7.5	7.5	Bảy phẩy Năm	
71	152232921	Tô Ngọc	Anh	K15KTR2				4	4.5	6			5.5	5.2	Năm phẩy Hai	
72	152232923	Văn Phú	Huy	K15KTR2				4	3	7			4	4.3	Bốn phẩy Ba	
73	152232930	Nguyễn Việt	Lộc	K15KTR2				5	7.5	6			7.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
74	152232934	Phạm Thị Hồng	Yến	K15KTR2				7	6.5	7.5			8	7.6	Bảy phẩy Sáu	
75	152232951	Vũ Quyết	Thắng	K15KTR2				4.5	5.5	6.5			5.5	5.5	Năm phẩy Năm	
76	152232957	Trần Duy Thanh	Long	K15KTR2				5	4	7.5			5	5.2	Năm phẩy Hai	
77	152232961	Trần Văn	Tuấn	K15KTR2				4.5	3	6.5			5.5	5.1	Năm phẩy Một	
78	152232983	Nguyễn Ngọc	Phúc	K15KTR2				5.5	6.5	8.5			6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
79	152232989	Lê Thị Ái	Nhung	K15KTR2				7	6.5	7			7	6.9	Sáu phẩy Chín	
80	152232995	Nguyễn Xuân	Trường	K15KTR2				4	4.5	6.5			4.5	4.7	Bốn phẩy Bảy	
81	152232996	Nguyễn Tuấn	Anh	K15KTR2				5	4.5	8			6.5	6.2	Sáu phẩy Hai	
82	152232998	Trần Lê Yến	Phương	K15KTR2				5.5	4.5	7.5			7.5	6.8	Sáu phẩy Tám	
83	152233004	Trần Thị	Linh	K15KTR2				0	0	0			HP	0.0	Không	Nợ HP
84	152233017	Phan Thị Ngọc	Hòa	K15KTR2				7.5	7.5	8			9	8.4	Tám phẩy Bốn	
85	152233023	Trần Khánh	Rin	K15KTR2				4.5	3	7			5.5	5.2	Năm phẩy Hai	
86	152233031	Võ Quang	Tiến	K15KTR2				5	3	6			4.5	4.6	Bốn phẩy Sáu	
87	152235502	Hoàng Văn	Mạnh	K15KTR2				5.5	8.5	7			5.5	6.2	Sáu phẩy Hai	
88	152235536	Đinh Ngọc Hiền	Vy	K15KTR2				4	4	6			5	4.9	Bốn phẩy Chín	
89	152236325	Tô Hữu	Phước	K15KTR2				5	3.5	6.5			4.5	4.7	Bốn phẩy Bảy	
90	132234938	Phạm	Văn	K15KTR3				5	7	4			4.5	4.9	Bốn phẩy Chín	
91	142231390	Nguyễn Nngọc	Duy	K15KTR3				4	7	6			5	5.3	Năm phẩy Ba	
92	152232023	Ngô Đức	Rin	K15KTR3				4	5	6.5			5	5.1	Năm phẩy Một	
93	152232026	Đinh Thị	Hoài	K15KTR3				6	7.5	7			5	5.8	Năm phẩy Tám	
94	152232799	Huỳnh Thị Cẩm	Nhung	K15KTR3				6.5	8	7			5.5	6.3	Sáu phẩy Ba	
95	152232808	Dương	Tùng	K15KTR3				5	6.5	6			5.5	5.7	Năm phẩy Bảy	
96	152232812	Trần Đức	Diệt	K15KTR3				5	6.5	6.5			5	5.5	Năm phẩy Năm	
97	152232814	Nguyễn Thành	Nhân	K15KTR3				8	7	3.5			5	5.5	Năm phẩy Năm	
98	152232817	Trương Bảo	Quốc	K15KTR3				5.5	7	7			6	6.2	Sáu phẩy Hai	
99	152232818	Lê Thị Mỹ	Thuận	K15KTR3				6	6	4			4.5	4.9	Bốn phẩy Chín	
100	152232824	Phan Quang	Vinh	K15KTR3				4.5	6.5	7			5	5.5	Năm phẩy Năm	
101	152232842	Lê Thị Thu	Phượng	K15KTR3				5	7	5			6	5.9	Năm phẩy Chín	
102	152232843	Võ Hoàng Cát	Tiên	K15KTR3				5	8.5	7			6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
103	152232850	Mai Tấn	Quý	K15KTR3				3	6.5	5.5			4.5	4.7	Bốn phẩy Bảy	
104	152232852	Võ Hoàng	Long	K15KTR3				5	7	7			4.5	5.3	Năm phẩy Ba	

Thời gian : 15h30 - 17/11/2013

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				0%	0%	0%	15%	15%	15%	0%	0%	55%				
105	152232855	Trần Nguyễn Trâm	Anh	K15KTR3				6	8	7.5			5	6.0	Sáu	
106	152232860	Nguyễn Ngọc	Anh	K15KTR3				5	7	7.5			5	5.7	Năm phẩy Bảy	
107	152232861	Lê Thị Kim	Phúc	K15KTR3				5	6	6.5			7	6.5	Sáu phẩy Năm	
108	152232877	Võ Thuý	Nguyên	K15KTR3				5	7.5	7			6	6.2	Sáu phẩy Hai	
109	152232885	Nguyễn Đức Lê Thanh	Sang	K15KTR3				3.5	6.5	6			5.5	5.4	Năm phẩy Bốn	
110	152232889	Đào Ngọc	Quang	K15KTR3				5.5	6.5	5			4	4.8	Bốn phẩy Tám	
111	152232890	Nguyễn Thị Thanh	Mùi	K15KTR3				5.5	6.5	6.5			4	5.0	Năm	
112	152232893	Lại Trọng	Nguyên	K15KTR3				5.5	6	7			4	5.0	Năm	
113	152232898	Võ Thị Phương	Thanh	K15KTR3				4.5	6	8			5	5.5	Năm phẩy Năm	
114	152232904	Lê Văn	Chung	K15KTR3				4.5	6.5	6.5			4.5	5.1	Năm phẩy Một	
115	152232907	Nguyễn Trịnh	Nam	K15KTR3				4	6.5	6.5			4.5	5.0	Năm	
116	152232908	Nguyễn Thị Mai	Phương	K15KTR3				6	7	5			6	6.0	Sáu	
117	152232911	Nguyễn Phước	Duy	K15KTR3				4.5	7	6			4.5	5.1	Năm phẩy Một	
118	152232916	Trần Trung	Thiên	K15KTR3				5	6.5	6.5			5	5.5	Năm phẩy Năm	
119	152232922	Lê Bảo	Lộc	K15KTR3				5.5	6.5	6.5			6	6.1	Sáu phẩy Một	
120	152232941	Nguyễn Công	Hoàng	K15KTR3				4.5	7	6			5	5.4	Năm phẩy Bốn	
121	152232949	Đỗ Thị Diễm	Vy	K15KTR3				6.5	8	5			6	6.2	Sáu phẩy Hai	
122	152232956	Tổng Ngọc	Dũng	K15KTR3				5	6.5	3			6	5.5	Năm phẩy Năm	
123	152232959	Hồ Như	Quỳnh	K15KTR3				5	6	6			7	6.4	Sáu phẩy Bốn	
124	152232968	Phan Thị Thanh	Trà	K15KTR3				3.5	6.5	7.5			4	4.8	Bốn phẩy Tám	
125	152232972	Phùng Minh	Sơn	K15KTR3				3	6.5	4			4.5	4.5	Bốn phẩy Năm	
126	152232975	Lê Thị	Huệ	K15KTR3				6.5	7	7.5			7	7.0	Bảy	
127	152232993	Trần Thị Cẩm	Nhung	K15KTR3				6.5	6.5	6.5			6.5	6.5	Sáu phẩy Năm	
128	152233000	Trần Thanh	Hải	K15KTR3				5	6.5	6			5	5.4	Năm phẩy Bốn	
129	152233020	Nguyễn Nam	Khánh	K15KTR3				4.5	6	6			4	4.7	Bốn phẩy Bảy	
130	152233026	Phan Anh	Huân	K15KTR3				4	7	6.5			6.5	6.2	Sáu phẩy Hai	
131	152233040	Đinh Khánh	Đồng	K15KTR3				5	6	6			6	5.9	Năm phẩy Chín	
132	152233042	Lê Thị Thuý	Linh	K15KTR3				4.5	7	4			3.5	0.0	Không	
133	152233058	Hoàng Trung	Phong	K15KTR3				5	7	5			5.5	5.6	Năm phẩy Sáu	
134	152233062	Hồ Quốc	Bảo	K15KTR3				4.5	6	6			2.5	0.0	Không	
135	152233063	Nguyễn Thành	Minh	K15KTR3				4.5	6.5	6.5			5	5.4	Năm phẩy Bốn	
136	152235533	Hoàng Trọng	Huy	K15KTR3				5	5.5	5			3.5	0.0	Không	
137	152235537	Phạm Văn	Thành	K15KTR3				4	6.5	6.5			6	5.9	Năm phẩy Chín	
138	152235837	Nguyễn Trung	Hiếu	K15KTR3				4.5	6	5.5			5.5	5.4	Năm phẩy Bốn	
139	152235937	Văn Công	Tạo	K15KTR3				5	7.5	7			3	0.0	Không	

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					0%	0%	0%	15%	15%	15%	0%	0%	55%				
140	152232027	Trần Thị Thanh	Nhàn	K15KTR4				6.5	7.5	6.5			6	6.4	Sáu phẩy Bốn		
141	152232803	Trương Duy	Tín	K15KTR4				6	6	6.5			7.5	6.9	Sáu phẩy Chín		
142	152232822	Vàng Anh	Quốc	K15KTR4				3.5	6.5	6.5			4.5	5.0	Năm		
143	152232823	Trần Viết	Đạt	K15KTR4				3.5	7.5	6			8	7.0	Bảy		
144	152232827	Lê Ngọc Tường	Nhi	K15KTR4				8.5	8.5	8			5	6.5	Sáu phẩy Năm		
145	152232836	Võ Thị Mỹ	Yên	K15KTR4				4	6.5	6			5.5	5.5	Năm phẩy Năm		
146	152232837	Nguyễn Văn	Lộc	K15KTR4				5.5	5.5	5.5			4.5	5.0	Năm		
147	152232838	Nguyễn Lê	Hân	K15KTR4				8.5	8	7			6	6.8	Sáu phẩy Tám		
148	152232845	Nguyễn Văn	Duy	K15KTR4				4	5.5	5			5	4.9	Bốn phẩy Chín		
149	152232851	Trần Minh	Hoàng	K15KTR4				5	8.5	6			6.5	6.5	Sáu phẩy Năm		
150	152232856	Nguyễn Văn	Thực	K15KTR4				5	8	7			5	5.8	Năm phẩy Tám		
151	152232878	Lục Hiếu	Đình	K15KTR4				3.5	3.5	5			5	4.6	Bốn phẩy Sáu		
152	152232879	Nguyễn Thế	Anh	K15KTR4				6	7	5			6	6.0	Sáu		
153	152232881	Trương Anh	Thức	K15KTR4				5	8	6			6.5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
154	152232895	Phan Thanh	Nam	K15KTR4				5	6	8			4.5	5.3	Năm phẩy Ba		
155	152232897	Trương Thanh	Thảo	K15KTR4				5.5	7.5	6.5			5	5.7	Năm phẩy Bảy		
156	152232900	Nguyễn Hồng	Thái	K15KTR4				5.5	7	6			5	5.5	Năm phẩy Năm		
157	152232905	Hồ Duy	Nguyên	K15KTR4				4.5	7	5.5			5.5	5.6	Năm phẩy Sáu		
158	152232909	Lê Thị Tường	Vi	K15KTR4				5.5	3.5	7			7	6.3	Sáu phẩy Ba		
159	152232924	Phan Lê Thị Hồng	Sim	K15KTR4				8	7	6.5			6.5	6.8	Sáu phẩy Tám		
160	152232931	Dương Minh	Vũ	K15KTR4				5	5.5	6			6	5.8	Năm phẩy Tám		
161	152232932	Nguyễn Sơn	Tùng	K15KTR4				3.5	3.5	6.5			4.5	4.5	Bốn phẩy Năm		
162	152232938	Kiều Quốc	Quỳnh	K15KTR4				4.5	7.5	6.5			4.5	5.3	Năm phẩy Ba		
163	152232943	Lê Quốc	Bảo	K15KTR4				5.5	8	7			5	5.8	Năm phẩy Tám		
164	152232944	Nguyễn Tổng	Phương	K15KTR4				4.5	6.5	5.5			5	5.2	Năm phẩy Hai		
165	152232945	Đào Hải	Ninh	K15KTR4				3.5	6	5.5			5	5.0	Năm		
166	152232948	Phạm Thị	Phương	K15KTR4				8.5	9	7.5			7	7.6	Bảy phẩy Sáu		
167	152232958	Phạm Khắc	Long	K15KTR4				2.5	7.5	7.5			4	4.8	Bốn phẩy Tám		
168	152232976	Bùi Thị Diễm	Mỹ	K15KTR4				8.5	7.5	7			6	6.8	Sáu phẩy Tám		
169	152232979	Hoàng Đình	Hùng	K15KTR4				5	6.5	5.5			3.5	0.0	Không		
170	152232981	Nguyễn Minh	Tuấn	K15KTR4				4	5.5	5			3.5	0.0	Không		
171	152232988	Nguyễn Xuân	Cường	K15KTR4				4.5	7	7			4.5	5.3	Năm phẩy Ba		
172	152232991	Huỳnh Rô	Y	K15KTR4				6.5	6	6			4	5.0	Năm		
173	152232997	Nguyễn Văn	Mạnh	K15KTR4				4.5	6	6.5			2.5	0.0	Không		
174	152232999	Bùi Tất	Thành	K15KTR4				5	6.5	6.5			6.5	6.3	Sáu phẩy Ba		

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					0%	0%	0%	15%	15%	15%	0%	0%	55%				
175	152233007	Phan Ngọc Sang		K15KTR4				6.5	8.5	8			7	7.3	Bảy phẩy Ba		
176	152233011	Nguyễn Thị Ngọc Hiền		K15KTR4				7	8	6			6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy		
177	152233014	Trần Phúc Toàn		K15KTR4				5	7	6.5			4	5.0	Năm		
178	152233024	Nguyễn Thành Trung		K15KTR4				5.5	6	7			4.5	5.3	Năm phẩy Ba		
179	152233038	Nguyễn Đình Huy		K15KTR4				4.5	5.5	4			3	0.0	Không		
180	152233044	Võ Ngọc Anh		K15KTR4				8	7.5	7			7	7.2	Bảy phẩy Hai		
181	152233045	Lê Xuân Thắng		K15KTR4				4.5	7	5			4	4.7	Bốn phẩy Bảy		
182	152233050	Lê Tấn Trúc		K15KTR4				4	7	6.5			4	4.8	Bốn phẩy Tám		
183	152233051	Nguyễn Phan Thành		K15KTR4				6	7.5	5.5			4	5.1	Năm phẩy Một		
184	152233059	Nguyễn Minh Trí		K15KTR4				5.5	7	5.5			5	5.5	Năm phẩy Năm		
185	152233061	Trần Hoàng Tiến		K15KTR4				5	7	6			6.5	6.3	Sáu phẩy Ba		
186	152236458	Lê Minh Tuấn		K15KTR4				6.5	8	6.5			6	6.5	Sáu phẩy Năm		
187	142231407	Trần Duy Linh		K15KTR5				4.5	6	2			4	4.1	Bốn phẩy Một		
188	142231413	Nguyễn Giang Nam		K15KTR5				4	6	5			8	6.7	Sáu phẩy Bảy		
189	142231423	Phạm Đình Tuấn		K15KTR5				4.5	6	6.5			4.5	5.0	Năm		
190	142231429	Vũ Trọng Quý		K15KTR5				5.5	6	5.5			7	6.4	Sáu phẩy Bốn		
191	142231447	Nguyễn Ngọc Trí		K15KTR5				4.5	5.5	4.5			4	4.4	Bốn phẩy Bốn		
192	142231459	Nguyễn Nho Thanh Tùng		K15KTR5				5	6	6.5			6	5.9	Năm phẩy Chín		
193	142231469	Nguyễn Thế Kiên		K15KTR5				5	6	5			5.5	5.4	Năm phẩy Bốn		
194	142231470	Hồ Thị Thanh Thảo		K15KTR5				6.5	6	7			7	6.8	Sáu phẩy Tám		
195	142234514	Trần Văn Nhật		K15KTR5				3	6	4			5	4.7	Bốn phẩy Bảy		
196	142234547	Nguyễn Thị Vi Ta		K15KTR5				5	6.5	6.5			6	6.0	Sáu		
197	142234647	Trần Duy Tân		K15KTR5				6	6	6			5.5	5.7	Năm phẩy Bảy		
198	151214611	Nguyễn Anh Vũ		K15KTR5				4.5	6	5			5.5	5.4	Năm phẩy Bốn		
199	152232021	Phan Hoàng Hải		K15KTR5				5	7.5	6.5			4.5	5.3	Năm phẩy Ba		
200	152232022	Thái Anh Quý		K15KTR5				5	6.5	4			4.5	4.8	Bốn phẩy Tám		
201	152232024	Nguyễn Thị Đan Na		K15KTR5				6	6	7			7.5	7.0	Bảy		
202	152232804	Lê Quốc Việt		K15KTR5				5.5	6.5	5			3.5	0.0	Không		
203	152232815	Trương Đình Thành Tín		K15KTR5				3	7	2			4.5	4.3	Bốn phẩy Ba		
204	152232829	Hồ Đức Nguyên Long		K15KTR5				4.5	6.5	4			6	5.6	Năm phẩy Sáu		
205	152232841	Trần Thêm		K15KTR5				5	7.5	7			6.5	6.5	Sáu phẩy Năm		
206	152232846	Nguyễn Việt Anh		K15KTR5				5	7	6			4.5	5.2	Năm phẩy Hai		
207	152232870	Hồ Thanh Sơn		K15KTR5				4	7.5	4			4.5	4.8	Bốn phẩy Tám		
208	152232883	Nguyễn Thị Kim Phượng		K15KTR5				5.5	8	6.5			4	5.2	Năm phẩy Hai		
209	152232888	Trần Đức Trung		K15KTR5				4.5	7	2.5			4.5	4.6	Bốn phẩy Sáu		

Thời gian : 15h30 - 17/11/2013

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				0%	0%	0%	15%	15%	15%	0%	0%	55%				
210	152232892	Phạm Bá	Trường	K15KTR5				4.5	7	5			5	5.2	Năm phẩy Hai	
211	152232920	Trần Quang	Tú	K15KTR5				4.5	8.5	2.5			5	5.1	Năm phẩy Một	
212	152232940	Trần Thị Kim	Oanh	K15KTR5				7	6	6.5			8.5	7.6	Bảy phẩy Sáu	
213	152232952	Đình Quang	Văn	K15KTR5				5.5	6.5	6			5	5.5	Năm phẩy Năm	
214	152232964	Từ Thị	Dung	K15KTR5				5	6.5	7.5			5.5	5.9	Năm phẩy Chín	
215	152232966	Châu Thanh	Long	K15KTR5				6	8.5	5			6	6.2	Sáu phẩy Hai	
216	152232978	Phan Đình	Phong	K15KTR5				5	6.5	5.5			4.5	5.0	Năm	
217	152232982	Nguyễn Minh	Tuấn	K15KTR5				5.5	5	3.5			6	5.4	Năm phẩy Bốn	
218	152232985	Võ Thanh	Cầm	K15KTR5				4.5	6	4			5	4.9	Bốn phẩy Chín	
219	152233029	Ngô Hữu Vũ	Duy	K15KTR5				6.5	8	7.5			6	6.6	Sáu phẩy Sáu	
220	152233034	Nguyễn Thanh	Pháp	K15KTR5				6	8	2.5			5	5.2	Năm phẩy Hai	
221	152233037	Trần Công	Hậu	K15KTR5				5	6	5			4.5	4.9	Bốn phẩy Chín	
222	152233039	Thân Trọng	Huỳnh	K15KTR5				6.5	9	9			8	8.1	Tám phẩy Một	
223	152233048	Văn Hữu	Khanh	K15KTR5				5	6	6.5			5	5.4	Năm phẩy Bốn	
224	152233056	Đặng Văn	Thuận	K15KTR5				4.5	6	6			5	5.2	Năm phẩy Hai	
225	152233066	Trần Duy	Phúc	K15KTR5				5	6.5	6			4.5	5.1	Năm phẩy Một	
226	152236462	Nguyễn	Quốc	K15KTR5				0	6	6			4	4.0	Bốn	
1	1471	Võ Đại	Vinh	K14KTR				3.5	6	5.5			4	4.5	Bốn phẩy Năm	34223
2	4955	Nguyễn Anh	Tuấn	K14KTR				4	4	0			1	0.0	Không	Khiển trách(-25%)
3	5625	Nguyễn Văn	Hùng	K15VQH				0	0	0			V	0.0	Không	34267

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SỐ	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	215	94%	
2	Số sinh viên nợ	14	6%	
TỔNG CỘNG :		229	100%	

Đà Nẵng, 02/12/2013

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI KIỂM TRA

LÃNH ĐẠO KHOA

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

Võ Quốc Toàn

Trần Thị Lan Anh

Lê Thị Thu Hà

Ths. Nguyễn Ân